

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 07-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh, Bà Dương Thị Kim Hồng và ông Nguyễn Văn Khóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến D - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2019/TLST-HS ngày 02/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 30/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 16/01/2020 và thông báo mở lại phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Phạm Quang V, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: Khu 1, phường C, thành phố H; nơi ở: Số 10b/3/46 C, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thu K; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2011 bị Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, năm 2012 bị Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương cho người khác; bị tạm giữ từ ngày 23/3/2019, chuyển tạm giam từ ngày 01/4/2019 đến nay tại trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Nguyễn Phi H, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: Khu tập thể Z133, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Số 12/77 C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà An Thị Hải Y; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2017, bị Công an quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái

phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 23/3/2019, chuyển tạm giam từ ngày 01/4/2019 đến nay tại trại giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Quang V và Nguyễn Phi H:* Luật sư Chu Thanh N - Văn phòng luật sư Chu Văn Chiến, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Anh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Anh Phạm Văn D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu Đ, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Quang V và Nguyễn Phi H khai đều là bạn xã hội của Phạm Anh T (có tên thường gọi là T2), sinh năm 1995; địa chỉ: Số 36/58 H, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 23/3/2019, V và H gặp nhau tại đầu ngõ 13 đường Hoàng Diệu, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, V bảo H đi thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang lấy ma túy về cho Phạm Anh T (tức T2) nhưng không thỏa thuận tiền công vận chuyển, H đồng ý. V sử dụng số điện thoại 0382204222 gọi đến số điện thoại 0839055638 của anh Trần Anh T là lái xe của hãng taxi Trường Sinh, thuê Anh T chở H đi thành phố Bắc Giang, Anh T đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Anh T điều khiển xe ô tô taxi, biển số 34A-199.04 đến đầu ngõ 13 đường Hoàng Diệu, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương gặp V và H đang ở đó. V không đi và bảo H khi nào mang ma túy về thì điện cho V ra lấy ma túy để giao cho T2. H lên xe taxi và hướng dẫn cho Anh T chở đi Bắc Giang. Trên đường đi đến gần khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang thì có số điện thoại 0349777555 (H khai đây là số điện thoại của T2 - tức Phạm Anh T) gọi vào số điện thoại 0772211922 của H hỏi H đi đến đâu rồi, H trả lời là đã đến gần khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 05 phút sau thì có một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0964945529 gọi vào số điện thoại của H, tự giới thiệu là bạn của T2 và hẹn gặp H ở gầm cầu vượt khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang. Khi đến gầm cầu vượt khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang thì H bảo Anh T dừng xe, H xuống xe gặp một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, đi xe ô tô màu đỏ không rõ nhãn hiệu và biển số của xe. Người đàn ông này bảo H lên xe ô tô của anh ta, H lên xe thì người đàn ông này đưa cho H 51.000.000 đồng và bảo trong đó 1.000.000 đồng là tiền đi đường và 50.000.000 đồng gửi cho T2. Nhận tiền xong, H lên xe taxi của Anh T rồi sử dụng số điện thoại của mình gọi đến số điện thoại 0349777555 thông báo đã nhận được tiền, thì được người này gửi cho

H số điện thoại 0377071065 của một người để H liên lạc giao số tiền 50.000.000 đồng và nhận ma túy cho T2. Ngay sau đó, do điện thoại của H hết tiền nên H mượn điện thoại của anh Trần Anh T (có số thuê bao là 0355706719) gọi vào số máy 0377071065 thì có một người đàn ông nghe máy và hướng dẫn H tiếp tục đi về hướng thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, khi nào đi qua cầu vượt BigC thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến đèn xanh, đèn đỏ thì dừng lại gọi điện cho anh ta để gặp nhau. Khi đến khu vực đèn xanh, đèn đỏ như đã hẹn, H gọi điện thoại cho người đàn ông này bằng máy điện thoại của anh Trần Anh T, sau đó H gặp được người đàn ông đi xe ô tô Mazda màu trắng không rõ biển số. H xuống xe taxi đưa cho người đàn ông này số tiền 50.000.000 đồng mà H vừa nhận từ người đàn ông ở gầm cầu vượt khu công nghiệp Đình Trám qua cửa kính ô tô, người này đưa cho H 01 cặp da màu nâu, bên ngoài có in hình chữ LV lồng vào nhau. H cầm cặp này lên xe taxi kiểm tra, thấy bên trong có 05 túi nilon đựng ma túy tổng hợp dạng Ketamine, rồi bảo Anh T chở về Hải Dương. Trên đường về đến gần thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, H sử dụng điện thoại của mình nháy vào số máy 0382204222 của V để V gọi lại, mục đích là H thông báo cho V biết là H đã về gần đến nơi và giao số ma túy này cho V. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/3/2019, anh Trần Anh T điều khiển xe ô tô taxi chở H về đến khu vực đầu đường phố Cầu Đồng, giao nhau với đường ven đê sông Thái Bình, thuộc Khu 7, phường V Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Cơ quan công an thu giữ của H 01 cặp da màu nâu bên ngoài có in hình chữ LV lồng vào nhau kích thước (20 x 30) cm, bên trong cặp da có 05 túi nilon màu trắng mỗi túi có kích thước (10x10cm) đều có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng, H khai đó là các túi ma túy tổng hợp dạng Ketamine vận chuyển thuê cho V.

Tại Kết luận giám định số 161 ngày 27/3/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong hộp giấy ghi thu của Nguyễn Phi H gửi đến giám định có tổng khối lượng là 505,469gam là ma túy loại Ketamine. Ketamine nằm trong danh mục III, STT: 35, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Quang V và Nguyễn Phi H tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên. Bị cáo V và bị cáo H xác định khi V bảo H đi Bắc Giang lấy đồ cho T2, H và V đều hiểu đó là đi mang ma túy về cho T2. Bị cáo V xác định chỉ sử dụng điện thoại Iphone 7 màu đen và sim kèm trong máy để liên lạc với H bảo H đi vận chuyển ma túy, chiếc điện thoại dạng nắp trượt màu xám kèm theo sim bị cáo không dùng để liên lạc với V nên đề nghị được xin lại.

Người bào chữa cho các bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều khoản pháp luật là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét các bị cáo không có tính vụ lợi trong việc vận chuyển ma túy để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm 3.1 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H. Xử phạt bị cáo Phạm Quang V 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/3/2019; xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H từ 18 đến 19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/3/2019. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ lượng ma túy thu giữ trong vụ án do cơ quan giám định hoàn lại và chiếc cặp da màu nâu; tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại của bị cáo H và 01 điện thoại Iphone của bị cáo V; tịch thu của bị cáo H số tiền 1.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; trả lại bị cáo V chiếc điện thoại di động dạng nắp trượt màu xám kèm theo sim. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người làm chứng, người chứng kiến; phù hợp nội dung biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 23/3/2019, Phạm Quang V thuê xe taxi cho Nguyễn Phi H bảo H đi đến thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để vận chuyển ma túy về thành phố Hải Dương. Sau đó, H đã đi Bắc Giang nhận 505,469gam ma túy loại Ketamine của người đàn ông không quen biết mang về Hải Dương. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/3/2019, khi H về đến đầu đường phố Cầu Đồng thuộc Khu 7, phường V Hòa, thành phố Hải Dương thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn

xã hội. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. V và H khai thống nhất cùng thực hiện việc vận chuyển ma túy từ Bắc Giang về Hải Dương cho đối tượng tên T2 (tức Phạm Anh T). Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh các bị cáo vận chuyển ma túy vì mục đích tàng trữ, mua bán, trao đổi. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội. Đây là vụ đồng phạm giản đơn, trong đó: Phạm Quang V là người gọi điện hẹn Nguyễn Phi H, liên hệ xe taxi và bảo H đi Bắc Giang vận chuyển về Hải Dương; bị cáo Nguyễn Phi H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Đối với đối tượng Phạm Anh T, hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên không xem xét.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có mẹ đẻ được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo V đã từng bị xử lý hành chính về các hành vi đánh nhau, cố ý gây thương tích; bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tuy đều đã hết thời hạn được coi là vi phạm hành chính nhưng xác định các bị cáo có nhân thân không tốt.

[5]. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện và điều kiện kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Toàn bộ lượng ma túy thu giữ trong vụ án do cơ quan giám định hoàn lại là vật cấm lưu hành cần tịch thu cho hủy bỏ. Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H là tiền có được do vận chuyển trái phép chất ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Chiếc cặp da và chiếc điện thoại di động Mobistar (kèm theo sim) thu giữ của bị cáo H và chiếc điện thoại di động Iphone 7 (kèm theo sim) thu giữ của bị cáo V là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chiếc điện thoại di động dạng nắp trượt màu xám (kèm theo sim) của bị cáo V không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Quá trình điều tra không xác định được người đàn ông đã giao cho H số tiền 51.000.000 đồng và người đàn ông giao ma túy cho H ở thành phố Bắc Giang về giao cho V nên không có căn cứ xử lý. Đối với anh Trần Anh T là lái xe của hãng taxi Trường Sinh chở H đi Bắc Giang và có cho H mượn điện thoại liên lạc để nhận ma túy nhưng anh Trần Anh T không biết việc V và H vận

chuyển trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra, truy tố không đặt ra hình thức xử lý nên không xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo. Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang V và Nguyễn Phi H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Quang V 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/3/2019. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/3/2019.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại đựng trong phong bì có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương; tịch thu của bị cáo H chiếc túi da màu nâu, 01 điện thoại di động Mobistar kèm theo sim và tịch thu của bị cáo V 01 điện thoại di động Iphone 7 kèm theo sim cho phát mại sung quỹ nhà nước. Trả lại bị cáo V chiếc điện thoại dạng nắp trượt màu xám không rõ nhận hiệu kèm theo sim (đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/12/2019 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương). Tịch thu của bị cáo H 1.000.000 đồng sung quỹ nhà nước (Số tiền trên hiện đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hải Dương theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 29/3/2019 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Kho bạc nhà nước tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Buộc Phạm Quang V và Nguyễn Phi H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Hữu Hiệu**

- Người bào chữa;
- Lưu: HS, TA.